BỘ TÀI CHÍNH

BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 90/2010/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 16 tháng 6 năm 2010*

THÔNG TƯ
Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2011

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Thực hiện Chỉ thị số 854/CT-TTg ngày 11/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2011;

Bộ Tài chính hướng dẫn công tác đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ ngân sách nhà nước năm 2010 và xây dựng dự toán ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2011 như sau:

Chương I
ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NSNN NĂM 2010

Điều 1. Quy định chung

1. Căn cứ đánh giá nhiệm vụ NSNN năm 2010:

- Nhiệm vụ NSNN năm 2010 đã được Quốc hội thông qua tại Nghị quyết số 37/2009/QH12 của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2010 và Quyết định số 1908/QĐ-TTg ngày 19/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2010.

- Các văn bản điều hành của Chính phủ, gồm: Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 15/01/2010 về những giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2010; Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 06/4/2010 về những giải pháp bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, không để lạm phát cao và đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế khoảng 6,5% trong năm 2010.

- Thông tư số 224/2009/TT-BTC ngày 26/11/2009 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán NSNN năm 2010.

- Các văn bản chỉ đạo của các Bộ, cơ quan Trung ương, các địa phương triển khai thực hiện Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ, Hội đồng nhân dân về phát triển kinh tế xã hội và ngân sách nhà nước năm 2010.

- Tình hình thực hiện các nhiệm vụ NSNN trong 6 tháng đầu năm; các giải pháp phấn đấu thực hiện trong 6 tháng cuối năm.

2. Cùng với việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ NSNN năm 2010; các Bộ, cơ quan Trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ NSNN giai đoạn 2006 - 2010 và giai đoạn 2001 - 2010 làm căn cứ xây dựng Kế hoạch 5 năm 2011 - 2015 và Chiến lược 10 năm 2011 - 2020.

3. Trên cơ sở kết quả đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ NSNN năm 2010, tình hình thực hiện chính sách chế độ thu, chi NSNN và các chính sách, chế độ khác có liên quan áp dụng trong giai đoạn 2006 - 2010; kết quả thực hiện các kết luận, kiến nghị của các cơ quan thanh tra, kiểm toán; các Bộ, cơ quan Trung ương và các địa phương chủ động sửa đổi, bổ sung hoặc đề xuất cụ thể việc sửa đổi, bổ sung chính sách, chế độ thu, chi NSNN và các chính sách, chế độ khác; kiến nghị công tác hướng dẫn, chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ NSNN, gửi Bộ Tài chính và các Bộ, cơ quan có liên quan để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung hoặc trình cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung kịp thời.

Điều 2. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thu NSNN năm 2010

Căn cứ kết quả thu NSNN 6 tháng đầu năm, đánh giá thực hiện thu NSNN năm 2010 trên cơ sở hoàn thành vượt mức dự toán Quốc hội quyết định, Thủ tướng Chính phủ giao tối thiểu ở mức trên 5% (không kể dầu thô và thu tiền sử dụng đất). Khi đánh giá, cần tập trung vào một số nội dung chủ yếu sau:

1. Đánh giá, phân tích tác động của kinh tế, chuyển đổi cơ cấu kinh tế đến kết quả thực hiện thu NSNN năm 2010 như: Tình hình sản xuất - kinh doanh, hoạt động xuất, nhập khẩu của các doanh nghiệp trên địa bàn; kết quả thực hiện các chỉ tiêu về sản lượng sản xuất và tiêu thụ của các sản phẩm chủ yếu; giá thành, giá bán, lợi nhuận; rà soát để tính đến các dự án đầu tư mới, đầu tư mở rộng, đầu tư chiều sâu, các dự án đầu tư đã hết thời gian hưởng ưu đãi thuế; kết quả thực hiện nhiệm vụ kế hoạch tài chính về đất đai; tình hình giao dịch mua bán bất động sản; tình hình hoạt động của thị trường chứng khoán,...

2. Đánh giá, phân tích tác động tới số thu NSNN của việc thực hiện chính sách gia hạn thuế cho các doanh nghiệp theo các Quyết định số 16/2009/QĐ-TTg ngày 21/01/2009, Quyết định số 58/2009/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành một số giải pháp về thuế nhằm thực hiện chủ trương kích cầu đầu tư và tiêu dùng, ngăn chặn suy giảm kinh tế, tháo gỡ khó khăn đối với doanh nghiệp, Quyết định số 12/2010/QĐ-TTg ngày 12/02/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp nhằm tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế năm 2010; việc điều hành chính sách xuất, nhập khẩu, trong đó có việc điều chỉnh thuế nhằm hạn chế nhập siêu, xuất khẩu nguyên liệu thô và điều chỉnh thuế suất để thực hiện các cam kết hội nhập.

3. Đánh giá tình hình nợ và xử lý nợ thuế năm 2010: xác định rõ số nợ thuế đến 31/12/2009, dự kiến số nợ phát sinh trong năm 2010 và số nợ thuế thu hồi được trong năm 2010. Tổng hợp đầy đủ chính xác số nợ thuế, phân loại nợ thuế theo các tiêu thức quy định tại quy trình quản lý nợ thuế. Kiến nghị các biện pháp xử lý dứt điểm số nợ thuế.

4. Đánh giá kết quả phối hợp giữa các cấp, các ngành có liên quan trong công tác quản lý thu NSNN và tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra và kiểm soát thu hồi nợ thuế, chống thất thu, chống buôn lậu, chống gian lận thương mại; việc phối hợp trong kiểm tra giá; số đối tượng đã thanh tra, kiểm tra trong 6 tháng đầu năm và dự kiến cả năm; số thuế kiến nghị truy thu thông qua công tác thanh tra, kiểm tra của cơ quan thuế; số kiến nghị truy thu của cơ quan Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra Chính phủ và dự kiến số nộp vào NSNN trong năm. Kiến nghị các giải pháp tăng cường công tác phối hợp, nâng cao hiệu quả các hoạt động này.

5. Đánh giá tình hình kê khai, hoàn thuế giá trị gia tăng; dự kiến số thuế phải hoàn phát sinh trong năm; số đã hoàn trong 6 tháng đầu năm; trong đó phân tích rõ nguyên nhân hoàn thuế tăng, giảm so với năm trước.

6. Đánh giá kết quả triển khai thực hiện các chính sách thuế mới ban hành, sửa đổi, bổ sung năm 2009, năm 2010 ảnh hưởng đến kết quả thu.

7. Thông qua việc triển khai tổ chức thu, đề xuất các kiến nghị để điều chỉnh cơ chế, chính sách thu (nếu có).

Điều 3. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi đầu tư phát triển

1. Đánh giá công tác bố trí và tổ chức thực hiện vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2010:

a) Đánh giá tình hình phân bổ, giao dự toán chi đầu tư xây dựng cơ bản (XDCB) năm 2010:

- Đánh giá việc bố trí, phân bổ vốn, giao dự toán chi đầu tư XDCB cho các dự án, công trình trong năm 2010 (bao gồm vốn từ nguồn NSNN, nguồn thu xổ số kiến thiết, nguồn vốn trái phiếu Chính phủ), nhất là đối với các công trình, dự án quan trọng, cấp bách cần đảm bảo theo tiến độ, các công trình, dự án hoàn thành trong năm 2010; đánh giá việc phân bổ vốn phù hợp với mục tiêu phát triển của Bộ, ngành, đảm bảo bố trí vốn cho các dự án đủ thủ tục đầu tư, phù hợp với tiến độ thực hiện;

- Đánh giá thời gian phân bổ và giao kế hoạch cho chủ đầu tư. Đồng thời đánh giá sự khớp đúng với chỉ tiêu được giao về tổng mức đầu tư, cơ cấu vốn trong nước, vốn ngoài nước, cơ cấu ngành kinh tế,...;

- Đánh giá tình hình phân bổ vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), trong đó bố trí vốn đối ứng, vốn ngoài nước;

- Đánh giá việc bố trí vốn để thanh toán nợ đầu tư XDCB thuộc nguồn vốn ngân sách;

- Đánh giá tình hình, kết quả thu hồi vốn ngân sách ứng trước (theo các nguyên tắc quy định tại khoản 4 Điều 1 Quyết định số 1908/QĐ-TTg ngày 19/11/2009 về việc giao dự toán NSNN năm 2010) để hoàn trả số vốn đã được ngân sách tạm ứng theo quy định.

b) Đánh giá kết quả thực hiện rà soát, sắp xếp lại kế hoạch chi đầu tư XDCB theo quy định tại Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 06/4/2010 của Chính phủ về những giải pháp bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, không để lạm phát cao và đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế khoảng 6,5% trong năm 2010. Trong đó tập trung đánh giá:

- Kết quả rà soát lại các dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN, vốn có nguồn gốc từ NSNN, trái phiếu Chính phủ để điều chuyển vốn theo hướng tập trung vốn cho các dự án quan trọng, cấp bách phải hoàn thành trong năm 2010;

- Kết quả sử dụng số vốn đã ứng năm 2010 để đầu tư các dự án, công trình quan trọng, cấp bách;

- Kết quả kiểm tra tình hình đầu tư, quản lý sử dụng vốn đầu tư tại các Bộ, cơ quan Trung ương, địa phương và các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước, doanh nghiệp nhà nước.

c) Đánh giá thực hiện nhiệm vụ chi đầu tư XDCB năm 2010:

- Đánh giá tổng quát tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư XDCB năm 2010 bao gồm giá trị khối lượng thực hiện đến hết quý II/2010, vốn thanh toán đến hết quý II/2010 (gồm thanh toán khối lượng hoàn thành và thanh toán tạm ứng vốn đầu tư), dự kiến khối lượng thực hiện và vốn thanh toán đến 31/12/2010 và đến hết niên độ

ngân sách năm 2010; kèm theo biểu phụ lục chi tiết từng dự án, có số liệu về tổng mức đầu tư được duyệt, vốn thanh toán lũy kế đến hết kế hoạch năm 2009, kế hoạch vốn năm 2010 theo các nội dung như trên;

- Đánh giá tình hình thực hiện các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA); bố trí vốn đối ứng cho các dự án ODA theo cam kết; tiến độ giải ngân nguồn vốn ODA và vốn đối ứng;

- Đánh giá khả năng thực hiện vốn đầu tư XDCB trong năm 2010 theo các nguồn vốn NSNN; vốn trái phiếu Chính phủ; vốn đầu tư từ nguồn tiền sử dụng đất, nguồn thu xổ số kiến thiết;...

d) Tổng hợp, đánh giá tình hình và kết quả xử lý nợ đọng khối lượng đầu tư XDCB; đề xuất, kiến nghị các giải pháp để xử lý dứt điểm các khoản nợ đọng; đánh giá hiệu quả đầu tư XDCB năm 2010 và các năm trước; phân tích các tồn tại, nguyên nhân và giải pháp khắc phục;

đ) Đánh giá tình hình quyết toán dự án đầu tư hoàn thành, trong đó nêu rõ: số dự án đã hoàn thành nhưng chưa quyết toán theo quy định đến hết tháng 6/2010 và dự kiến đến hết năm 2010; nêu rõ thời gian dự án đã hoàn thành mà chưa được quyết toán, nguyên nhân và giải pháp xử lý;

e) Đánh giá tình hình tạm ứng vốn, thu hồi và trả nợ tạm ứng tồn ngân Kho bạc nhà nước theo quy định tại Thông tư số 49/2005/TT-BTC ngày 09/6/2005 của Bộ Tài chính để thực hiện dự án, công trình đầu tư cơ sở hạ tầng tạo được nguồn thu hoàn trả vốn tạm ứng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt để thu hút vốn đầu tư của các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước.

2. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ chi hỗ trợ phát triển năm 2010:

- Tình hình thực hiện tín dụng ưu đãi của Nhà nước, tín dụng hộ nghèo và các đối tượng chính sách xã hội, tín dụng học sinh, sinh viên (kết quả hoạt động, dư nợ cho vay, lãi suất huy động, số phát sinh bù chênh lệch lãi suất,...).

- Chi cho vay thực hiện chính sách (cho vay ưu đãi đối với hộ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn, hộ nghèo làm nhà ở, cho vay hộ đồng bào nghèo vùng đồng bằng Sông Cửu Long để phát triển sản xuất - kinh doanh, cho vay các dự án thuộc Chương trình kiên cố hóa kênh mương, giao thông nông thôn, cơ sở hạ tầng nuôi trồng thủy sản và cơ sở hạ tầng làng nghề ở nông thôn,…).

- Tình hình thực hiện các chính sách hỗ trợ xúc tiến thương mại, đầu tư, du lịch; chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích,...

- Tình hình thực hiện dự trữ nhà nước năm 2010; số hàng mua vào, xuất ra, cấp không thu tiền (chi tiết về chủng loại, số lượng, giá trị); lực lượng dự trữ nhà nước đến ngày 31/12/2010; khả năng đáp ứng khi xảy ra các sự cố.

Điều 4. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên

1. Đánh giá tình hình thực hiện dự toán NSNN 6 tháng đầu năm và dự kiến cả năm 2010 (việc triển khai phân bổ, giao dự toán ngân sách, rút dự toán; việc thực hiện điều chuyển, giảm chi đối với số kinh phí không phân bổ được cho các chương trình, nhiệm vụ khác;...) theo từng chỉ tiêu nhiệm vụ được nhà nước giao cho Bộ, cơ quan Trung ương, địa phương và đơn vị trong năm 2010. Đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ quan trọng, các chương trình, dự án lớn của từng Bộ, ngành, lĩnh vực, địa phương; những khó khăn, vướng mắc và đề xuất biện pháp xử lý.

2. Báo cáo tình hình thực hành tiết kiệm chi thường xuyên, trong đó báo cáo cụ thể tình hình thực hiện cắt giảm các khoản chi chưa cần thiết như: chi các hội nghị, lễ hội, đi công tác ngoài nước không thực sự thiết thực,... Trên cơ sở đó tập trung nguồn đảm bảo chi cho các nhiệm vụ mới phát sinh, đặc biệt là các nhiệm vụ đảm bảo an sinh xã hội, hỗ trợ khuyến khích sản xuất, xuất khẩu theo quy định của pháp luật.

3. Đánh giá kết quả thực hiện và những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong việc thực hiện các cơ chế, chính sách và chế độ chi tiêu trong năm 2010 thực hiện các nhiệm vụ của các Bộ, cơ quan Trung ương, địa phương và đơn vị. Trong đó, chú ý đánh giá kỹ kết quả thực hiện các cơ chế, chính sách sau:

- Việc thực hiện các chính sách an sinh xã hội, trong đó tập trung đánh giá việc thực hiện chính sách bảo trợ xã hội theo Nghị định số 67/2007/NĐ-CP ngày 13/4/2007 của Chính phủ về trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội và Nghị định số 13/2010/NĐ-CP ngày 27/02/2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2007/NĐ-CP; đối với các hộ nghèo và hộ cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào tại các vùng đặc biệt khó khăn như: chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 62 huyện nghèo, hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo; chính sách nhà nước hỗ trợ các hộ cận nghèo, học sinh, sinh viên mua bảo hiểm y tế; hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn; chính sách bảo hiểm thất nghiệp; hỗ trợ phòng trừ dịch bệnh và phòng chống, khắc phục thiên tai, bão lũ, cứu đói cho người dân,…

- Tình hình, kết quả triển khai thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính. Đánh giá tình hình tổ chức triển khai thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài

chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ, Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 05/9/2005 của Chính phủ và Quyết định số 1926/QĐ-TTg ngày 20/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

4. Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết số 05/2005/NQ-CP ngày 18/4/2005 của Chính phủ về đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động giáo dục, y tế, văn hóa và thể dục thể thao và Quyết định số 39/2008/QĐ-TTg ngày 14/3/2008 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN; Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường đối với ngành, lĩnh vực mình quản lý; Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường. Trong đó chú ý đánh giá, phân tích về tổng nguồn lực và cơ cấu nguồn lực của xã hội đầu tư cho phát triển ngành, lĩnh vực, kết quả thực hiện huy động các nguồn lực xã hội cho phát triển ngành, lĩnh vực; những tồn tại, nguyên nhân và giải pháp trong thời gian tới để huy động có hiệu quả các nguồn lực xã hội để phát triển ngành, lĩnh vực.

5. Đánh giá tình hình triển khai công tác cải cách thủ tục hành chính theo Đề án 30 trong quản lý NSNN năm 2010; nêu rõ tồn tại, nguyên nhân và giải pháp khắc phục.

Điều 5. Đánh giá tình hình thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình 135 (giai đoạn II) và Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng

1. Đánh giá tình hình phân bổ, giao dự toán chi các chương trình mục tiêu, dự án năm 2010; trên cơ sở dự toán kinh phí đã được giao và tiến độ thực hiện, các Bộ, cơ quan chủ quản chương trình mục tiêu quốc gia, dự án chủ trì phối hợp với các Bộ, cơ quan Trung ương và địa phương tổ chức tổng kết, đánh giá hiệu quả các chương trình, dự án giai đoạn 2006 - 2010, trên cơ sở đó đề xuất danh mục, mục tiêu, nội dung các chương trình mục tiêu quốc gia, dự án giai đoạn 2011 - 2015, xây dựng phạm vi, nội dung, nguyên tắc, tiêu chí phân bổ kinh phí, quy trình thẩm định, cơ chế quản lý, theo dõi, đánh giá các chương trình mục tiêu quốc gia, dự án để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định làm cơ sở triển khai thực hiện từ năm 2011.

2. Đối với các chương trình mục tiêu quốc gia được thực hiện bằng nguồn vốn trong nước và vốn ngoài nước, cần đánh giá kỹ cả về tình hình giải ngân nguồn vốn ngoài nước (những thuận lợi, khó khăn, nguyên nhân và giải pháp khắc phục).

Điều 6. Đánh giá kết quả thực hiện chế độ cải cách tiền lương

1. Báo cáo kết quả xét duyệt, xác định nhu cầu kinh phí thực hiện cải cách tiền lương.

2. Đánh giá kết quả thực hiện các biện pháp tài chính tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương từ: Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (không kể tiền lương và các khoản có tính chất lương); từ 35 - 40% nguồn thu được để lại theo chế độ quy định; từ nguồn 50% tăng thu ngân sách địa phương (không kể tiền sử dụng đất);... trong năm 2010 và giai đoạn 2007 - 2010, xác định các nguồn năm trước theo quy định chưa sử dụng hết (sau khi đã bố trí đảm bảo đủ nguồn để thực hiện mức tiền lương tối thiểu 730.000 đồng/tháng trong năm 2010) chuyển sang năm 2011 (nếu có) để tiếp tục tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương (có biểu số liệu báo cáo cụ thể).

Điều 7. Một số điểm đặc thù trong việc đánh giá thực hiện nhiệm vụ NSNN năm 2010 của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Ngoài các yêu cầu nêu trên, cần chú ý tập trung đánh giá thực hiện một số nội dung sau:

1. Các giải pháp, biện pháp của địa phương về điều hành ngân sách địa phương để đảm bảo dự toán chi ngân sách địa phương đã được cấp có thẩm quyền quyết định.

2. Đánh giá nhu cầu và các nguồn lực phát triển của địa phương; công tác huy động các nguồn lực tài chính ở địa phương để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

3. Kết quả thực hiện các chính sách, chế độ theo các Quyết định số 24/2008/QĐ-TTg, 25/2008/QĐ-TTg, 26/2008/QĐ-TTg, 27/2008/QĐ-TTg và Quyết định số 113/2009/QĐ-TTg ngày 11/9/2009 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quyết định số 24/2008/QĐ-TTg, 25/2008/QĐ-TTg, 26/2008/QĐ-TTg, 27/2008/QĐ-TTg về việc ban hành một số cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội đối với các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ, vùng Tây Nguyên, vùng Đồng bằng Sông Cửu Long và vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2010; kết quả thực hiện Chương trình hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn (Chương trình 134), Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn miền núi và vùng sâu, vùng xa (Chương trình 135 - giai đoạn II); kết quả thực hiện Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 62 huyện nghèo; kết quả

thực hiện chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg ngày 12/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ,...

4. Việc bố trí chi ngân sách thực hiện các cơ chế chính sách của Nhà nước nhằm phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo như: chính sách bảo hiểm y tế đối với người nghèo, người dân tộc thiểu số, trẻ em dưới 6 tuổi, hỗ trợ người cận nghèo tham gia bảo hiểm y tế, chính sách bảo hiểm thất nghiệp, chính sách hỗ trợ ngư dân, chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội; tình hình bố trí vốn cho công tác quy hoạch,... tại địa phương.

5. Đánh giá việc bố trí ngân sách (bao gồm cả số ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách địa phương - nếu có) và sử dụng dự phòng thực hiện nhiệm vụ an ninh, quốc phòng; phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh ở người và trên gia súc, gia cầm, cây trồng,...

6. Đánh giá tình hình thực hiện chính sách miễn thu thủy lợi phí trên địa bàn địa phương; tình hình triển khai thực hiện miễn thu các khoản đóng góp theo Chỉ thị số 24/2007/CT-TTg ngày 01/11/2007 của Thủ tướng Chính phủ tăng cường chấn chỉnh việc thực hiện các quy định của pháp luật về phí, lệ phí, chính sách huy động và sử dụng các khoản đóng góp của nhân dân.

7. Đánh giá tình hình thực hiện chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất cho đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng của địa phương, thực hiện đo đạc, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và việc phân bổ lập quỹ phát triển đất theo quy định tại Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ.

8. Đánh giá tình hình thực hiện thu từ nguồn xổ số kiến thiết; việc bố trí, sử dụng nguồn thu này cho các công trình phúc lợi xã hội trên địa bàn địa phương.

9. Tình hình thực hiện huy động vốn đầu tư cơ sở hạ tầng (bao gồm cả tình hình huy động, bố trí vốn để hoàn trả cả gốc và lãi đến 30/6/2010) quy định tại Khoản 3 Điều 8 Luật NSNN, gồm: số dư nợ đầu năm, số huy động trong năm, số trả nợ đến hạn, ước dư nợ huy động đến 31/12/2010 (đối với thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh đánh giá việc huy động vốn đầu tư theo cơ chế tài chính - ngân sách đặc thù của địa phương).

10. Đánh giá tình hình thực hiện chương trình kiên cố hóa kênh mương, giao thông nông thôn, cơ sở hạ tầng làng nghề, hạ tầng thủy sản (bao gồm kết quả thực hiện, kết quả hoàn trả cả gốc và lãi khi đến hạn);...

11. Căn cứ đánh giá kết quả thực hiện kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước năm 2010, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và ngân

sách nhà nước trong giai đoạn 2006 - 2010 so với Nghị quyết Đại hội Đảng bộ đề ra. Trong đó, tập trung đánh giá những mặt đạt được, mặt còn hạn chế và nguyên nhân tồn tại để định hướng kế hoạch phát triển 5 năm 2011 - 2015.

Chương II
XÂY DỰNG DỰ TOÁN NSNN NĂM 2011

Điều 8. Mục tiêu, nguyên tắc

1. Dự toán NSNN năm 2011 được thực hiện cùng với quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng khóa XI, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Kế hoạch Tài chính - Ngân sách 5 năm 2011 - 2015, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và Chiến lược tài chính 10 năm 2011 - 2020, có ý nghĩa rất quan trọng trong việc tạo đà tăng trưởng nhanh và bền vững cho cả giai đoạn, nâng cao một bước chất lượng cuộc sống của nhân dân. Theo đó, công tác xây dựng dự toán NSNN năm 2011 cần thể hiện rõ mục tiêu thúc đẩy tăng trưởng nhanh, bền vững, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, thông qua thực hiện chính sách động viên hợp lý nhằm khuyến khích, khơi thông các nguồn lực cho đầu tư phát triển, tập trung nguồn lực để góp phần điều chỉnh cơ cấu nền kinh tế theo hướng nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh, phát triển nhanh và bền vững, tăng mức và tỷ trọng NSNN đầu tư cho con người, thực hiện các chính sách an sinh xã hội, giữ vững quốc phòng, an ninh, đảm bảo an toàn hệ thống tài chính quốc gia.

2. Dự toán thu NSNN năm 2011 phải được xây dựng trên cơ sở

a) Bám sát dự báo tình hình đầu tư, phát triển sản xuất kinh doanh; đúng chính sách, chế độ; tính đúng, tính đủ các khoản thu NSNN của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân phát sinh trong năm 2011, trong đó chú ý tính các khoản thu phát sinh năm 2010 nhưng được phép giãn thời hạn nộp, các khoản thu từ các dự án đầu tư đã hết thời gian ưu đãi thuế;

b) Dự toán thu NSNN phải xây dựng tích cực, vững chắc, có tính khả thi cao với mức động viên đạt trên 23% GDP, trong đó thu thuế và phí đạt trên 21% GDP. Dự toán thu nội địa của cả nước (không kể thu từ dầu thô, thu tiền sử dụng đất) tăng bình quân tối thiểu 17 - 19% so với đánh giá ước thực hiện năm 2010 (đã loại trừ các yếu tố tác động do thực hiện gia hạn thuế trong năm 2009 và năm 2010);

c) Đề ra các biện pháp và lộ trình cụ thể để xử lý các khoản nợ thuế; chống thất thu, trốn lậu thuế và gian lận thương mại; tăng cường thanh tra, kiểm tra, phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm.

3. Về chi ngân sách, dự toán năm 2011 được xây dựng trên cơ sở:

Dự toán chi NSNN được xây dựng trên cơ sở hệ thống tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách nhà nước năm 2011 (năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách mới); các quy định của pháp luật về chính sách, chế độ chi tiêu ngân sách hiện hành và yêu cầu kinh phí thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ quan trọng, chiến lược của đất nước dự kiến thực hiện năm 2011 và thời kỳ 2011 - 2015. Trên cơ sở đó:

a) Căn cứ hệ thống tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách năm 2011 theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, chế độ, định mức chi tiêu và nhiệm vụ được giao, các Bộ, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực ở Trung ương và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương lập dự toán chi ngân sách năm 2011 trong phạm vi số kiểm tra dự toán chi ngân sách năm 2011 được Bộ Tài chính thông báo (riêng chi từ nguồn vốn ngoài nước lập dự toán chi theo tiến độ giải ngân các dự án vay và viện trợ) chi tiết theo từng lĩnh vực (bao gồm cả chi từ nguồn cân đối NSNN và chi từ nguồn thu được để lại theo chế độ), nhiệm vụ chi lớn (có sắp xếp thứ tự ưu tiên) đảm bảo đúng quy định của pháp luật hiện hành và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngay từ khi xây dựng dự toán;

b) Các Bộ, cơ quan Trung ương và địa phương khi xây dựng dự toán chi NSNN phải chủ động dự kiến đầy đủ nhu cầu kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách đã ban hành và các nhiệm vụ mới phát sinh. Đối với các chế độ, chính sách, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền ban hành trong quá trình lập dự toán, thực hiện lập dự toán kinh phí theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền. Không bổ sung từ nguồn dự phòng cho những nhiệm vụ chi mà các Bộ, cơ quan Trung ương và địa phương khi xây dựng, phân bổ dự toán ngân sách được giao không bố trí đầy đủ kinh phí theo chế độ quy định để thực hiện;

c) Trong quá trình xây dựng dự toán ngân sách năm 2011, các Bộ, cơ quan Trung ương và địa phương khi đề xuất sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các chính sách, chế độ, cần thực hiện điều tra, khảo sát để nắm chắc số lượng đối tượng, dự kiến nhu cầu kinh phí; tính toán lồng ghép giữa các chính sách, chế độ dự kiến sửa đổi hoặc ban hành mới với các chính sách hiện hành, phối hợp với cơ quan tài chính để tính toán, đảm bảo khả năng bố trí đủ nguồn kinh phí thực hiện trước khi trình các cấp có thẩm quyền ban hành;

d) Tiếp tục thực hiện sắp xếp lại các khoản chi theo hướng tiết kiệm, hiệu quả, nâng cao hiệu quả vốn đầu tư từ ngân sách nhằm thúc đẩy tăng trưởng nhanh và bền vững, duy trì ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo an sinh xã hội và trật tự an toàn xã hội; đảm bảo kinh phí phát triển các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, y tế, văn hóa, bảo vệ môi trường theo các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội; tăng dự trữ nhà nước để chủ động phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh; bố trí kinh phí đảm bảo tiếp tục thực hiện cải cách tiền lương.

4. Các Bộ, cơ quan Trung ương lập dự toán thu, chi ngân sách và chủ động thuyết minh chi tiết cơ sở, căn cứ lập dự toán theo đơn vị thực hiện và theo những nhiệm vụ chi quan trọng (căn cứ, chính sách chế độ, tình hình kết quả thực hiện, mức bố trí dự toán chi 2011 và các năm tiếp theo,...), gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

5. Cân đối NSNN, ngân sách từng địa phương tích cực, lành mạnh, vững chắc; đảm bảo an ninh tài chính quốc gia, an toàn ngân sách từng địa phương.

Điều 9. Xây dựng dự toán thu NSNN năm 2011

1. Dự toán thu nội địa:

Các địa phương khi xây dựng dự toán thu NSNN trên địa bàn phải dựa trên cơ sở các phân tích, dự báo tăng trưởng kinh tế, chuyển đổi cơ cấu kinh tế làm gia tăng năng lực sản xuất năm 2011 đối với từng khu vực kinh tế, từng ngành, từng lĩnh vực thu, các cơ sở kinh tế trọng điểm của địa phương và phải tổng hợp toàn bộ các nguồn thu phát sinh trên địa bàn (bao gồm cả số thu ngân sách ở xã, phường, thị trấn). Khi xây dựng dự toán thu NSNN năm 2011 phải dựa trên trên cơ sở đánh giá đầy đủ kết quả thực tế thực hiện năm 2009; yêu cầu phấn đấu và khả năng thực hiện năm 2010 và số kiểm tra về dự toán thu năm 2011 đã được thông báo. Dự toán thu phải bảo đảm tính đúng, tính đủ từng lĩnh vực thu, từng sắc thuế theo các quy định của pháp luật về thuế, chế độ thu, trong đó, cần chú ý những chế độ, chính sách thu mới được ban hành sửa đổi, bổ sung thêm như sau:

a) Về thuế thu nhập doanh nghiệp: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 53/2010/NĐ-CP ngày 19/5/2010 của Chính phủ quy định về địa bàn ưu đãi đầu tư, ưu đãi thuế đối với đơn vị hành chính mới thành lập do Chính phủ điều chỉnh địa giới hành chính; các văn bản của Bộ Tài chính như Thông tư số 177/2009/TT-BTC ngày 10/9/2009 hướng dẫn xác định thu nhập chịu thuế đối với chênh lệch tỷ giá của các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ; Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp; Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích

khấu hao tài sản cố định; Quyết định số 3027/QĐ-BTC ngày 03/12/2009 về việc đính chính Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008; Thông tư số 06/2010/TT-BTC ngày 13/01/2010 hướng dẫn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động bán vé, thẻ hội viên sân gôn; Thông tư số 38/2010/TT-BTC ngày 19/3/2010 hướng dẫn thực hiện quy định về thuế đối với tổ chức, cá nhân chuyển nhượng quyền thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản; Quyết định số 12/2010/QĐ-TTg ngày 12/02/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp nhằm tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế năm 2010 và Thông tư số 39/2010/TT-BTC ngày 22/3/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 12/2010/QĐ-TTg ngày 12/02/2010; Thông tư số 40/2010/TT-BTC ngày 23/3/2010 hướng dẫn xác định thu nhập chịu thuế đối với khoản chênh lệch do đánh giá lại tài sản; Thông tư số 55/2010/TT-BTC ngày 16/4/2010 hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp đối với Đài truyền hình Việt Nam và các Đài Truyền hình, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, thành phố.

Nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 197/2009/TT-BTC ngày 09/10/2009 của Bộ Tài chính bổ sung Thông tư số 134/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam; Thông tư số 64/2010/TT-BTC ngày 22/4/2010 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 134/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam.

Nghĩa vụ thuế đối với nhà đầu tư Việt Nam đầu tư ra nước ngoài: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 11/2010/TT-BTC ngày 19/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế đối với nhà đầu tư Việt Nam đầu tư ra nước ngoài.

b) Về thuế tài nguyên: Tính và lập dự toán theo quy định tại Luật số 45/2009/QH12 ngày 25/11/2009 của Quốc hội về Thuế tài nguyên, Nghị quyết số 928/2010/UBTVQH12 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc ban hành biểu mức thuế suất thuế tài nguyên; Nghị định số 50/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tài nguyên; Quyết định số 588/QĐ-BTC ngày 22/3/2010 của Bộ Tài chính về việc công bố giá bán điện thương phẩm bình quân áp dụng làm giá tính thuế tài nguyên nước thiên nhiên sản xuất thủy điện năm 2010;

c) Về thuế thu nhập cá nhân: Thực hiện theo quy định tại các văn bản của Bộ Tài chính như Thông tư số 161/2009/TT-BTC ngày 12/8/2009 hướng dẫn về thuế thu nhập cá nhân đối với một số trường hợp chuyển nhượng, nhận thừa kế, nhận quà tặng là bất động sản; Thông tư số 164/2009/TT-BTC ngày 13/8/2009 hướng dẫn thuế thu nhập cá nhân đối với người trúng thưởng trong các trò chơi có thưởng; Thông tư số 176/2009/TT-BTC ngày 09/9/2009 hướng dẫn về việc giảm thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân làm việc tại khu kinh tế; Thông tư số 02/2010/TT-BTC ngày 11/01/2010 hướng dẫn bổ sung Thông tư số 84/2008/TT-BTC ngày 30/9/2008 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và hướng dẫn thi hành Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 08/9/2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân.

d) Lệ phí trước bạ: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 68/2010/TT-BTC ngày 26/4/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về lệ phí trước bạ;

đ) Về thu từ dầu khí: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 100/2009/NĐ-CP ngày 03/11/2009 của Chính phủ quy định thu phụ thu đối với dầu lãi phần được chia của nhà thầu dầu khí khi giá dầu thô biến động tăng; Thông tư số 22/2010/TT-BTC ngày 12/02/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 100/2009/NĐ-CP ngày 03/11/2009 của Chính phủ.

Về thu điều tiết đối với nhà máy lọc dầu Dung Quất: Thực hiện theo hướng dẫn riêng của Bộ Tài chính;

e) Về thuế sử dụng đất nông nghiệp: Tạm thời tính toán, xây dựng dự toán thu theo cơ chế hiện hành đang áp dụng cho giai đoạn từ năm 2003 đến năm 2010;

f) Về phí, lệ phí: Thực hiện theo Pháp lệnh Phí, lệ phí và các văn bản pháp luật hiện hành. Đối với phí và lệ phí lãnh sự thực hiện theo quy định tại Thông tư số 236/2009/TT-BTC ngày 15/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí và lệ phí lãnh sự áp dụng tại các Cơ quan đại diện ngoại giao, Cơ quan đại diện lãnh sự Việt Nam ở nước ngoài; phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản thực hiện theo quy định tại Nghị định số 82/2009/NĐ-CP ngày 12/10/2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 63/2008/NĐ-CP ngày 13/5/2008 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản, Thông tư số 238/2009/TT-BTC ngày 21/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 82/2009/NĐ-CP ngày 12/10/2009 của Chính phủ; phí nhượng quyền khai thác cảng hàng không sân bay thực hiện theo quy định tại Thông tư số 240/2009/TT-BTC ngày 25/12/2009 của Bộ Tài chính;

g) Riêng dự toán thu tiền sử dụng đất, việc xây dựng bảo đảm phù hợp với việc triển khai thực hiện quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt kế hoạch (quy định tại Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư), dự kiến tiến độ thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất, giao đất và nộp tiền sử dụng đất;

h) Thu từ xổ số kiến thiết: Tiếp tục xây dựng dự toán trên cơ sở quy định pháp luật hiện hành và thực hiện quản lý thu qua NSNN (không đưa vào cân đối NSNN).

2. Dự toán thu từ hoạt động xuất nhập khẩu:

a) Được xây dựng trên cơ sở đánh giá tác động đến thu ngân sách thông qua phân tích, dự báo tình hình kinh tế thế giới và kim ngạch xuất, nhập khẩu các mặt hàng chịu thuế; tác động của việc điều chỉnh hàng rào thuế và phi quan thuế nhằm kiềm chế nhập siêu và thúc đẩy xuất khẩu và việc thực hiện lộ trình cắt giảm thuế để thực hiện các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế;

b) Dự toán thu phải được xây dựng trên cơ sở thực hiện đúng quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu quy định tại Thông tư số 79/2009/TT-BTC ngày 20/4/2009 của Bộ Tài chính và các văn bản có liên quan. Đẩy mạnh đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực hải quan để rút ngắn thời gian thông quan và tiết giảm chi phí đối với hàng hóa xuất, nhập khẩu. Tăng cường các biện pháp chống thất thu như: xử lý nợ thuế, chống buôn lậu, trốn thuế, chống gian lận thương mại.

3. Các khoản thu được để lại chi theo chế độ (học phí, viện phí, các khoản huy động đóng góp,...): Các Bộ, cơ quan Trung ương và các địa phương căn cứ số thực tế thực hiện thu năm 2009, ước thực hiện thu năm 2010, dự kiến điều chỉnh các mức thu (trong đó thu học phí thực hiện theo Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010 - 2011 đến năm học 2014 - 2015) và những yếu tố dự kiến tác động đến thu năm 2011 để xây dựng dự toán thu cho phù hợp, mang tính tích cực. Các khoản thu sự nghiệp mang tính chất giá dịch vụ kinh doanh của cơ quan, đơn vị, không thuộc nguồn thu NSNN, đề nghị lập dự toán riêng, không đưa chung vào dự toán thu phí, lệ phí thuộc NSNN.

Điều 10. Xây dựng dự toán chi NSNN năm 2011

1. Xây dựng dự toán chi đầu tư phát triển năm 2011:

a) Xây dựng dự toán chi đầu tư phát triển của các Bộ, cơ quan Trung ương trên cơ sở đảm bảo vốn cho các công trình, dự án đang thực hiện dở dang; bố trí đủ vốn cho các dự án nhóm C hoàn thành trong 3 năm, dự án nhóm B hoàn thành trong 5 năm; hạn chế bố trí vốn cho các dự án mới chưa thật sự cần thiết. Xây dựng dự toán chi đầu tư phát triển của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trên cơ sở hệ thống tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn NSNN năm 2011, bao gồm cả số bổ sung có mục tiêu vốn đầu tư phát triển từ ngân sách Trung ương cho ngân sách địa phương và các khoản bổ sung có mục tiêu khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

b) Các đơn vị khi xây dựng dự toán chi đầu tư phát triển năm 2011 cần tiếp tục quán triệt quan điểm rà soát, sắp xếp, điều chỉnh lại việc bố trí vốn đầu tư nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn NSNN, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững. Tập trung bố trí chi đầu tư phát triển để thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2011 và giai đoạn 2011 - 2015, trong đó ưu tiên bố trí dự toán cho các dự án, công trình trọng điểm quốc gia, phát triển khu vực nông nghiệp, nông thôn, thúc đẩy xóa đói giảm nghèo và phát triển bền vững; tiếp tục ưu tiên bố trí vốn đầu tư phát triển nguồn nhân lực cho lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế, khoa học - công nghệ, bảo vệ môi trường, an ninh, quốc phòng,...;

c) Ưu tiên bố trí vốn thực hiện các chính sách về an sinh xã hội; bố trí bảo đảm đủ vốn đối ứng cho các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn ODA theo các cam kết; tập trung vốn cho các công trình, dự án chuyển tiếp có hiệu quả, công trình trọng điểm, cấp bách về đê điều, thủy lợi, phát triển giao thông nông thôn, hạ tầng các khu phân lũ, chậm lũ, hạ tầng du lịch,...;

d) Đảm bảo vốn cho công tác chuẩn bị đầu tư; thanh toán nợ khối lượng xây dựng cơ bản đã hoàn thành của các công trình; bố trí hoàn trả các khoản vốn ứng trước theo quy định; đồng thời quán triệt trong tổ chức thực hiện không để phát sinh nợ XDCB mới;

đ) Số vốn còn lại bố trí cho các dự án, công trình khởi công mới, trong đó ưu tiên vốn các dự án, công trình trọng điểm quốc gia; kiên quyết đình hoãn khởi công các dự án không có trong quy hoạch được duyệt, chưa đủ thủ tục theo quy định, còn nhiều vướng mắc về thủ tục đầu tư, chưa giải phóng mặt bằng, các dự án chưa thật sự cấp bách, hiệu quả thấp,...;

e) Chủ đầu tư các dự án được đầu tư từ nguồn vốn Chính phủ vay về cho vay lại phải tự thu xếp đủ vốn đối ứng cho các dự án này phù hợp với nội dung hiệp định

đã ký kết và quy chế quản lý tài chính trong nước để không ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện;

g) Đối với dự toán chi cấp bù chênh lệch lãi suất tín dụng đầu tư phát triển, tín dụng chính sách của Nhà nước, căn cứ vào tình hình thực hiện năm 2010 dự kiến những thay đổi về chính sách và nhiệm vụ năm 2011 để xây dựng dự toán chi theo chế độ quy định;

h) Đối với dự toán chi bổ sung dự trữ nhà nước: Căn cứ Chiến lược phát triển dự trữ quốc gia, nhiệm vụ dự trữ nhà nước được giao, yêu cầu phòng ngừa, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, các Bộ, ngành quản lý hàng dự trữ nhà nước có trách nhiệm đánh giá xác định mức dự trữ nhà nước do Bộ, ngành, đơn vị quản lý đến 31/12/2010; dự kiến mức bổ sung dự trữ từng loại hàng hóa, vật tư thiết bị thực sự thiết yếu, lập dự toán ngân sách nhà nước chi tăng dự trữ nhà nước, chi bảo quản hàng hóa và kế hoạch luân phiên đổi mới hàng dự trữ nhà nước năm 2011;

i) Thực hiện bổ sung có mục tiêu vốn đầu tư phát triển từ NSTW theo các tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi đầu tư phát triển bằng nguồn NSNN năm 2011 được Thủ tướng Chính phủ quyết định để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình quốc gia giai đoạn 2011 - 2015, Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 62 huyện nghèo và các chương trình, dự án lớn khác thực hiện giai đoạn 2011 - 2015; hỗ trợ một phần vốn đối ứng các dự án ODA; hỗ trợ địa phương thực hiện đầu tư cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, đầu tư nâng cấp hệ thống y tế cấp tỉnh,...; trong đó ưu tiên bổ sung vốn cho ngân sách địa phương tại các khu vực trung du và miền núi Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ, vùng đồng bào dân tộc thiểu số khó khăn, các địa phương thực sự khó khăn;

k) Các Bộ, cơ quan Trung ương và các địa phương được Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ đầu tư XDCB từ nguồn trái phiếu Chính phủ thực hiện lập dự toán chi đầu tư từ nguồn vốn trái phiếu Chính phủ năm 2011 cho các công trình, dự án giao thông, thủy lợi, hệ thống cơ sở y tế, đầu tư kiên cố hóa trường học và xây dựng nhà công vụ cho giáo viên, nhà ở cho sinh viên đã có trong danh mục được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đồng thời tập trung chỉ đạo thực hiện đảm bảo đúng tiến độ và mục tiêu đã quy định.

2. Xây dựng dự toán chi thường xuyên năm 2011:

a) Xây dựng dự toán chi phát triển sự nghiệp giáo dục - đào tạo, văn hóa, y tế, bảo vệ môi trường, khoa học - công nghệ, đảm bảo xã hội; quốc phòng, an ninh; chi quản lý hành chính nhà nước, đảng, đoàn thể...phải căn cứ nhiệm vụ chính trị, kế

hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2011 của từng Bộ, cơ quan Trung ương và từng địa phương, căn cứ định mức phân bổ chi thường xuyên NSNN năm 2011 theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ và những chế độ, chính sách cụ thể đã được các cấp có thẩm quyền ban hành;

b) Đối với những khoản chi thường xuyên không có định mức phân bổ, dự toán năm 2011 được xây dựng trên cơ sở đánh giá tình hình thực hiện ngân sách năm 2010, dự kiến nhiệm vụ năm 2011 (làm rõ các khoản chi chỉ phát sinh năm 2010, không phát sinh năm 2011, các khoản phát sinh tăng mức năm 2011 theo chế độ, lĩnh vực đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt), số kiểm tra ngân sách năm 2011 được thông báo và chế độ tiêu chuẩn định mức chi tiêu theo quy định hiện hành. Dự toán cần sắp xếp thứ tự ưu tiên bố trí kinh phí thực hiện những chế độ, chính sách chi đã được ban hành; những nhiệm vụ quan trọng Thủ tướng Chính phủ, cấp có thẩm quyền đã giao cho từng ngành, lĩnh vực;

c) Trong phạm vi cả nước, bố trí dự toán chi NSNN năm 2011 (bao gồm cả chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên, chi cải cách tiền lương) đối với lĩnh vực giáo dục, đào tạo và dạy nghề đạt 20% tổng chi NSNN (bao gồm cả chi từ nguồn thu xổ số kiến thiết); lĩnh vực văn hóa thông tin đạt tối thiểu 1,8%; lĩnh vực khoa học và công nghệ đạt tối thiểu 2%; hoạt động sự nghiệp bảo vệ môi trường trên 1%; bố trí tăng chi cho lĩnh vực y tế cao hơn tốc độ tăng chi bình quân chung của NSNN, trong đó ưu tiên kinh phí cho y tế dự phòng;

d) Dự toán chi sự nghiệp kinh tế xây dựng căn cứ khối lượng nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao và chế độ, định mức chi ngân sách quy định; tập trung bố trí chi cho những nhiệm vụ quan trọng: duy tu bảo dưỡng hệ thống hạ tầng kinh tế trọng yếu (giao thông, thủy lợi,...) để tăng thời gian sử dụng và hiệu quả đầu tư; kinh phí thực hiện công tác quy hoạch; thực hiện nhiệm vụ khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, khuyến công; nhiệm vụ đo đạc bản đồ, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,... góp phần thúc đẩy tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Đẩy mạnh việc áp dụng quy chế đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN theo quy định tại Quyết định số 39/2008/QĐ-TTg ngày 14/3/2008 của Thủ tướng Chính phủ;

đ) Trong quá trình xây dựng dự toán NSNN năm 2011, các Bộ, ngành, địa phương phải cơ cấu lại nhiệm vụ chi NSNN cho phù hợp trên cơ sở thực hiện theo cơ chế giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính quy định tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ nhằm tăng quyền tự chủ gắn với trách nhiệm, nâng cao hiệu quả quản lý tài chính và

hiệu suất hoạt động. Các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định tại Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập và Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 05/9/2005 của Chính phủ và các quy định khác có liên quan đến việc quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học công nghệ công lập; đồng thời, thực hiện thí điểm chuyển một số đơn vị sự nghiệp công lập có điều kiện sang hoạt động theo cơ chế doanh nghiệp;

e) Các cơ quan hành chính Nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập có nguồn thu theo quy định của pháp luật phải lập đầy đủ dự toán thu và dự toán chi cho các nhiệm vụ từ nguồn thu phí, lệ phí và thu khác được để lại đơn vị chi theo chế độ quy định;

g) Đối với các nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học, chi thực hiện nhiệm vụ nhà nước đặt hàng và các nhiệm vụ chi quan trọng khác, các đơn vị lập dự toán chi ngân sách theo quy định hiện hành và hướng dẫn tại Thông tư này, đồng thời thuyết minh đầy đủ các căn cứ tính toán;

h) Đối với một số nhiệm vụ chi đặc thù khác:

- Các Bộ, cơ quan Trung ương có bộ phận biệt phái sáp nhập vào cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài có trách nhiệm lập dự toán bảo đảm kinh phí hoạt động cho bộ phận này, gửi Bộ Ngoại giao tổng hợp vào dự toán chung của Bộ Ngoại giao trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để phân bổ cho cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài theo đúng tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 367/CT-TTg ngày 19/3/2010;

- Lập dự toán chi ứng dụng công nghệ thông tin theo quy định tại Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước và hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 43/2008/TTLT-BTC-BTTTT ngày 26/5/2008 của Bộ Tài chính và Bộ Thông tin và Truyền thông;

- Xây dựng dự toán kinh phí cần thiết để thực hiện Chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật từ năm 2008 - 2012 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 37/2008/QĐ-TTg ngày 12/3/2008;

- Lập dự toán chi thực hiện Đề án đổi mới đồng bộ các hệ thống chỉ tiêu thống kê thuộc nhiệm vụ của các Bộ, cơ quan Trung ương theo quy định tại Quyết định số 312/QĐ-TTg ngày 02/3/2010 của Thủ tướng Chính phủ;

- Lập dự toán chi từ NSNN để thực hiện cơ chế miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho các đối tượng quy định tại Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010 - 2011 đến năm học 2014 - 2015.

3. Xây dựng dự toán chi các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn ODA:

Thực hiện lập dự toán đầy đủ theo đúng trình tự, biểu mẫu lập và quyết định NSNN theo quy định của Luật NSNN, Luật Quản lý nợ công và các văn bản hướng dẫn, các Nghị định của Chính phủ về quản lý đầu tư và xây dựng cơ bản, về quản lý vay và trả nợ nước ngoài, trong đó chú ý lập chi tiết vốn ODA và vốn đối ứng theo từng chương trình, dự án, theo tính chất nguồn vốn chi đầu tư XDCB và chi sự nghiệp, đảm bảo phù hợp với tiến độ thực hiện; gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để tổng hợp trong dự toán NSNN năm 2011 trình Chính phủ, trình Quốc hội quyết định.

4. Dự toán nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2011:

Năm 2011, các Bộ, cơ quan Trung ương và các địa phương, các đơn vị sử dụng NSNN tiếp tục chủ động thực hiện đầy đủ, đúng quy định các giải pháp tạo nguồn cải cách tiền lương theo Đề án cải cách tiền lương giai đoạn 2008 - 2012. Theo đó: dành một phần nguồn thu được để lại năm 2011 theo chế độ; tiết kiệm 10% chi thường xuyên năm 2011 (không kể tiền lương và các khoản có tính chất lương); ngân sách địa phương sử dụng 50% tăng thu thực hiện so dự toán ngân sách địa phương năm 2010 (không kể tăng thu tiền sử dụng đất), đồng thời thực hiện chuyển các nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm trước chưa sử dụng hết (nếu có) sang năm 2011 để tiếp tục thực hiện. Toàn bộ nguồn kinh phí này phải được hạch toán, quản lý riêng để tạo nguồn tiếp tục thực hiện cải cách tiền lương, không sử dụng nguồn kinh phí này cho các mục đích khác. Bộ Tài chính sẽ có văn bản hướng dẫn riêng việc tính toán, xác định các nguồn kinh phí dành để thực hiện cải cách tiền lương năm 2011 sau khi Chính phủ có Nghị định mới về điều chỉnh tiền lương tối thiểu.

5. Dự toán chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng:

a) Các Bộ, cơ quan chủ quản của chương trình, dự án căn cứ vào văn bản của cấp có thẩm quyền quyết định các chương trình mục tiêu quốc gia và chương trình, dự án lớn triển khai giai đoạn 2011 - 2015, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư xác định rõ các mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể năm 2011 đối với các chương trình mục tiêu quốc gia và chương trình, dự án lớn quan trọng để trình Thủ tướng Chính phủ quyết định làm căn cứ hướng dẫn xây dựng dự toán NSNN năm 2011.

Riêng đối với Chương trình mục tiêu quốc gia sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả; Chương trình mục tiêu quốc gia về ứng phó biến đổi khí hậu: việc xây dựng dự toán cho năm 2011 và giai đoạn 2011 - 2015 tiếp tục thực hiện theo các Quyết định đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

b) Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ, chế độ tài chính hiện hành, các Bộ, cơ quan Trung ương và các địa phương lập dự toán nhu cầu chi thực hiện các chương trình, dự án trong năm 2011, gửi các Bộ, cơ quan Trung ương quản lý chương trình, dự án tổng hợp gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

c) Căn cứ dự kiến mức bố trí kinh phí cho từng chương trình, dự án do Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo, các Bộ, cơ quan Trung ương được giao quản lý chương trình, dự án thực hiện lập dự toán chi năm 2011 của từng chương trình, dự án; đồng thời dự kiến phương án phân bổ dự toán chi chương trình mục tiêu, dự án năm 2011 cho các Bộ, cơ quan Trung ương và các địa phương (đối với các chương trình thực hiện bằng nguồn vốn ngoài nước, phương án phân bổ chi tiết gồm cả vốn trong và ngoài nước), gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp.

6. Dự toán dự phòng ngân sách nhà nước:

Ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương các cấp bố trí dự phòng ngân sách theo quy định của Luật NSNN và định mức phân bổ chi thường xuyên NSNN năm 2011 để chủ động phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh và xử lý những nhiệm vụ quan trọng, cấp bách phát sinh ngoài dự toán. Bố trí và ghi thành một mục riêng trong dự toán chi NSNN năm 2011 của các Bộ, cơ quan Trung ương và các cơ quan, đơn vị ở địa phương kinh phí chi cho hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, ứng phó thiên tai, thảm họa theo quy định tại Quyết định số 118/2008/QĐ-TTg ngày 27/8/2008 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý tài chính đối với hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, ứng phó thiên tai, thảm họa và Thông tư số 92/2009/TT-BTC ngày 12/5/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc thanh toán kinh phí từ nguồn NSNN cho các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, ứng phó thiên tai, thảm họa.

7. Dự toán các khoản chi từ nguồn thu được để lại theo chế độ (học phí, viện phí, các khoản huy động đóng góp,...):

Các Bộ, cơ quan Trung ương và các địa phương thực hiện lập dự toán chi từ nguồn thu này, chi tiết theo từng nhiệm vụ chi, lĩnh vực chi và tổng hợp vào dự toán của Bộ, cơ quan Trung ương và địa phương để trình cấp có thẩm quyền quyết định.

8. Căn cứ số kiểm tra thu, chi ngân sách năm 2011, các Bộ, cơ quan Trung ương, các địa phương xây dựng dự toán chi phải chặt chẽ và chi tiết đối với từng nhiệm vụ, từng đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc; sau khi đã làm việc và thống nhất với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ, cơ quan Trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương triển khai ngay công tác lập phương án phân bổ dự toán ngân sách năm 2011 của Bộ, cơ quan, địa phương mình để khi nhận được dự toán ngân sách Thủ tướng Chính phủ giao, chủ động trình cấp có thẩm quyền quyết định phân bổ và giao dự toán ngân sách đến đơn vị sử dụng ngân sách đảm bảo trước ngày 31 tháng 12 theo đúng quy định của Luật NSNN.

Các Bộ, cơ quan Trung ương và địa phương phải tập trung chỉ đạo rà soát lại tất cả các khâu trong công tác phân bổ, quản lý, sử dụng NSNN, đặc biệt là vốn đầu tư XDCB và vốn vay, viện trợ, nhằm đảm bảo việc phân bổ ngân sách đúng mục tiêu, đúng chế độ, đúng đối tượng; việc quản lý, sử dụng ngân sách phải chặt chẽ, hiệu quả, có chế độ báo cáo, kiểm tra, kiểm toán, tránh để xảy ra thất thoát, lãng phí.

Điều 11. Xây dựng dự toán ngân sách địa phương năm 2011

Năm 2011 là năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách địa phương mới theo quy định của Luật NSNN; việc xây dựng dự toán thu, chi ngân sách địa phương, các địa phương phải bám sát mục tiêu, nhiệm vụ của NSNN năm 2011 nêu trên và trên cơ sở nguồn lực theo định mức phân bổ ngân sách 2011, căn cứ quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn Luật để xây dựng dự toán ngân sách năm 2011 và giai đoạn 2011 - 2015; dự toán ngân sách địa phương năm 2011 được xây dựng đảm bảo sự phát triển ngân sách địa phương, bảo đảm đủ nguồn lực thực hiện các chế độ, chính sách do Trung ương đã ban hành và theo đúng quy định của Luật NSNN.

Ngoài các quy định hướng dẫn chung về công tác lập dự toán ngân sách nhà nước, việc lập, xây dựng dự toán ngân sách địa phương cần chú ý một số nội dung chủ yếu sau:

1. Xây dựng dự toán thu ngân sách trên địa bàn:

Căn cứ mục tiêu dự thảo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2015 của cả nước và của các Bộ, ngành và địa phương, khả năng thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội và ngân sách năm 2010, trên cơ sở dự báo tốc độ tăng trưởng kinh tế và nguồn thu năm 2011 đối với từng ngành, từng lĩnh vực, các cơ sở kinh tế của từng địa phương và những nguồn thu mới phát sinh trên địa bàn để tính đúng, tính đủ từng lĩnh vực thu, từng khoản thu theo chế độ; dự toán thu nội địa từ nguồn thu thuế và phí (không kể thu từ dầu thô, thu tiền sử dụng đất) tăng bình quân tối thiểu 17% - 19% so với đánh giá ước thực hiện năm 2010 (đã loại trừ các yếu tố

tác động do thực hiện gia hạn thuế trong năm 2009 và năm 2010); dự toán thu từ hoạt động xuất nhập khẩu tăng tối thiểu 7% - 9% so với đánh giá ước thực hiện năm 2010 (đã loại trừ các yếu tố tác động do thực hiện gia hạn thuế trong năm 2009 và năm 2010).

2. Về xây dựng dự toán chi ngân sách địa phương:

- Căn cứ dự toán thu NSNN trên địa bàn, thu ngân sách địa phương được hưởng 100% theo quy định của Luật NSNN, mức chi cân đối ngân sách địa phương theo tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách năm 2011 theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ để xác định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương, số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương (nếu có) và được ổn định trong thời kỳ ngân sách mới theo quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn Luật. Trên cơ sở đó, căn cứ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương giai đoạn 2011 - 2015 và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2011, chế độ chính sách chi tiêu hiện hành và tình hình thực tế của từng địa phương, Sở Tài chính phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định: phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi thời kỳ ổn định ngân sách mới và định mức phân bổ ngân sách địa phương năm 2011 cho từng cấp chính quyền địa phương cấp dưới và ổn định số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu phân chia giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương cho các năm trong thời kỳ ổn định mới. Đồng thời, đảm bảo định mức phân bổ ngân sách địa phương đối với các nhiệm vụ chi quan trọng (lĩnh vực giáo dục đào tạo và dạy nghề, lĩnh vực khoa học công nghệ, môi trường) không thấp hơn mức theo yêu cầu của các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội quyết định và Thủ tướng Chính phủ giao.

- Ưu tiên kinh phí thực hiện nhiệm vụ xây dựng cơ sở hạ tầng, tập trung đầu tư những dự án, công trình trọng điểm của địa phương sớm hoàn thành đưa vào sử dụng (giao thông, thủy lợi, công trình phục vụ chuyển dịch cơ cấu kinh tế, công trình khắc phục hậu quả thiên tai, ...); chủ động bố trí ngân sách địa phương để thực hiện chương trình kiên cố hóa trường học, đầu tư kiên cố hóa kênh mương, đường giao thông nông thôn, hạ tầng làng nghề, du lịch; thực hiện phát triển giống cây trồng, vật nuôi; chuyển đổi cơ cấu kinh tế; xúc tiến thương mại, mở rộng và tìm kiếm thị trường xuất khẩu; chú trọng thực hiện các nhiệm vụ an sinh xã hội như xóa đói, giảm nghèo, tạo việc làm,...

- Bố trí vốn đối ứng cho các dự án ODA trên địa bàn thuộc trách nhiệm của địa phương theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; chủ động tính toán bố trí trong dự toán chi đầu tư XDCB nguồn để xử lý dứt điểm các khoản nợ XDCB, các khoản nợ huy động phải trả khi đến hạn.

- Bố trí dự toán chi đầu tư xây dựng cơ bản của ngân sách địa phương từ nguồn thu tiền sử dụng đất để đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, các dự án di dân, tái định cư, chuẩn bị mặt bằng xây dựng; chủ động phân bổ lập quỹ phát triển đất theo quy định tại Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ; ưu tiên bố trí đủ kinh phí để đẩy nhanh công tác đo đạc, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai và Nghị quyết của Quốc hội.

- Đối với nguồn thu từ xổ số kiến thiết tiếp tục được sử dụng để đầu tư các công trình phúc lợi xã hội; trong đó, tập trung cho các lĩnh vực giáo dục, y tế theo quy định và thực hiện quản lý thu, chi qua ngân sách nhà nước (không đưa vào cân đối ngân sách nhà nước).

- Xây dựng phương án huy động vốn đầu tư cơ sở hạ tầng ở địa phương, bố trí ngân sách địa phương đảm bảo hoàn trả đủ các khoản nợ đến hạn (cả gốc và lãi) theo đúng quy định tại Khoản 3 Điều 8 của Luật NSNN và Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ, đảm bảo số dư nợ huy động (bao gồm cả số dự kiến trong năm) không quá 30% dự toán chi đầu tư XDCB của ngân sách cấp tỉnh (riêng thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh không quá 100%).

- Ưu tiên bố trí kinh phí để thực hiện các chính sách đã ban hành để phát triển kinh tế xã hội theo đúng các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội và các quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Xây dựng dự toán chi ngân sách năm 2011, các địa phương chủ động tính toán các nguồn để thực hiện chi cải cách tiền lương theo đúng quy định tại khoản 4 Điều 10 nêu trên.

3. Đối với các cấp chính quyền địa phương thực hiện thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân, nội dung lập dự toán ngân sách năm 2011 thực hiện theo quy định tại Thông tư này; về trình tự và thời gian thực hiện theo quy định tại Thông tư 63/2009/TT-BTC ngày 27/3/2009 của Bộ Tài chính quy định về công tác lập dự toán, tổ chức thực hiện dự toán và quyết toán ngân sách huyện, quận, phường nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm của các Bộ, cơ quan Trung ương quản lý các chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình 135 và các chương trình, dự án trọng điểm quốc gia

1. Phối hợp với các Bộ, cơ quan Trung ương và các địa phương liên quan dự kiến nhiệm vụ, mức kinh phí thực hiện chương trình, dự án năm 2011 gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 20/7/2010.

2. Lập phương án phân bổ dự toán chi năm 2011 đối với từng Bộ, cơ quan Trung ương và từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 30/7/2010.

3. Chủ động xây dựng, ban hành và hoàn thiện các văn bản hướng dẫn thuộc thẩm quyền hoàn thành trong năm 2010 làm căn cứ tổ chức triển khai thực hiện các chương trình, dự án từ năm 2011 đúng quy định.

Điều 13. Trách nhiệm của các Bộ, cơ quan Trung ương và các địa phương

1. Căn cứ số kiểm tra đã được thông báo, các Bộ, cơ quan Trung ương và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hướng dẫn và thông báo số kiểm tra về dự toán thu, chi ngân sách cho các đơn vị dự toán trực thuộc và ngân sách cấp dưới theo quy định.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính lập dự toán năm 2011 về chi đầu tư phát triển, phương án phân bổ chi đầu tư phát triển một số lĩnh vực của ngân sách Trung ương được phân công gửi Bộ Tài chính trước ngày 10/9/2010.

3. Tổ chức công tác xây dựng, tổng hợp và báo cáo dự toán ngân sách năm 2011 theo đúng quy định của Luật NSNN, các văn bản hướng dẫn và những nội dung hướng dẫn của Thông tư này; báo cáo đầy đủ nội dung, biểu mẫu theo quy định của Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23/6/2003 của Bộ Tài chính và các biểu mẫu có liên quan quy định tại Thông tư này; gửi Bộ Tài chính, Kiểm toán Nhà nước trước ngày 20/7/2010 đối với các Bộ, cơ quan Trung ương, trước ngày 25/7/2010 đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Điều 14. Về biểu mẫu lập và báo cáo dự toán ngân sách năm 2011

1. Đối với các Bộ, cơ quan Trung ương: Tổng hợp và báo cáo Bộ Tài chính dự toán NSNN theo các biểu mẫu và thời gian quy định tại Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23/6/2003 của Bộ Tài chính, các biểu mẫu bổ sung (Biểu số 2 và 5)

quy định tại Thông tư này và biểu mẫu quy định tại Thông tư liên tịch số 03/2006/TTLT-BTC-BNV ngày 17/01/2006 của Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ, Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 09/8/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định 43/2006/NĐ-CP; trong đó chú ý xây dựng dự toán ngân sách chi tiết đến từng đơn vị sử dụng ngân sách (theo Biểu số 02 - Phụ lục số 2 - Thông tư số 59/2003/TT-BTC) và nhiệm vụ quan trọng của Bộ, cơ quan để giải trình báo cáo Quốc hội về dự toán ngân sách của từng Bộ, cơ quan Trung ương. Sau khi Thủ tướng Chính phủ giao dự toán ngân sách năm 2011, phân bổ và giao dự toán ngân sách đến đơn vị sử dụng ngân sách trước ngày 31/12/2010 theo quy định của Luật NSNN.

2. Đối với các địa phương: Tổng hợp lập dự toán ngân sách địa phương, báo cáo Bộ Tài chính theo các mẫu biểu (Biểu số 01, 02, 06, 07, 10, 12, 13, 14, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23 - Phụ lục số 6) và thời gian quy định tại Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23/6/2003 của Bộ Tài chính và các biểu mẫu bổ sung (Biểu số 01, 03, 04, 06, 07, 08, 09, 10, 11) quy định tại Thông tư này.

Điều 15. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Trong quá trình xây dựng dự toán ngân sách năm 2011, nếu có những chính sách chế độ mới ban hành, Bộ Tài chính sẽ có thông báo hướng dẫn bổ sung; nếu phát sinh vướng mắc trong công tác tổ chức xây dựng dự toán ngân sách năm 2011 đề nghị các Bộ, cơ quan Trung ương, địa phương, tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước phản ánh về Bộ Tài chính để kịp thời xử lý./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Đỗ Hoàng Anh Tuấn

Phụ lục

BIỂU MẪU BỔ SUNG LẬP DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2011

(Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2010/TT-BTC ngày 16/6/2010 của Bộ Tài chính)

Biểu số 1: Tổng hợp kết quả thực hiện và dự kiến các chỉ tiêu kinh tế - xã hội *(dùng cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)*

Biểu số 2: Thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách giai đoạn 2006 - 2010; dự toán 2011 và kế hoạch giai đoạn 2011 - 2015 *(dùng cho các Bộ, cơ quan Trung ương)*

Biểu số 3: Thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách giai đoạn 2006 - 2010; dự toán 2011 và kế hoạch giai đoạn 2011 - 2015 *(dùng cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)*

Biểu số 4: Tổng hợp số thuế thu nhập doanh nghiệp được gia hạn theo Quyết định số 12/2010/QĐ-TTg ngày 12/02/2010 của Thủ tướng Chính phủ *(dùng cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)*

Biểu số 5: Đánh giá huy động và sử dụng nguồn lực đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực giai đoạn 2006 - 2010; dự toán 2011 và kế hoạch giai đoạn 2011 - 2015 *(dùng cho các Bộ, cơ quan Trung ương quản lý ngành, lĩnh vực)*

Biểu số 6: Tổng hợp nhu cầu vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương năm 2011 để thực hiện các dự án, nhiệm vụ quan trọng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt *(dùng cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)*

Biểu số 7: Tình hình huy động vốn đầu tư phát triển theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Luật Ngân sách nhà nước, dư nợ ngân sách địa phương giai đoạn 2006 - 2010; dự toán 2011 và kế hoạch giai đoạn 2011 - 2015 *(dùng cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)*

Biểu số 8: Tổng hợp vốn huy động đầu tư xã hội giai đoạn 2006 - 2010; dự toán 2011 và kế hoạch giai đoạn 2011 - 2015 *(dùng cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)*

Biểu số 9: Tổng hợp vốn đầu tư trở lại từ nguồn thu xổ số kiến thiết năm 2010 và năm 2011 *(dùng cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)*

Biểu số 10: Báo cáo kết quả phân bổ, thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình 135, dự án 5 triệu ha rừng năm 2010 và dự toán năm 2011 *(dùng cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)*

Biểu số 11: Báo cáo kết quả phân bổ, giao dự toán vốn đầu tư từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW để thực hiện chương trình, dự án, nhiệm vụ quan trọng năm 2010 và dự toán năm 2011 *(dùng cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)*

Tỉnh, thành phố:……. **Biểu số: 1**

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN VÀ DỰ KIẾN CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thự hiện giai đoạn 2001 - 2005	Giai đoạn 2006 - 2010						Giai đoạn 2011 - 2015					
			Giai đoạn 2006 - 2010	Trong đó					Giai đoạn 2011 - 2015	Trong đó				
				TH 2006	TH 2007	TH 2008	TH 2009	ƯTH 2010		KH 2011	KH 2012	KH 2013	KH 2014	KH 2015
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1. Diện tích	ha													
Trong đó:														
- Đất nông nghiệp	ha													
- Đất lâm nghiệp	ha													
- Diện tích khu bảo tồn thiên nhiên	ha													
- Diện tích rừng tự nhiên	ha													
- Diện tích trồng lúa	ha													
2. Dân số	người													
Trong đó:														
- Trẻ em dưới 6 tuổi	người													
- Dân số trong độ tuổi đến trường từ 1 - 18 tuổi	người													

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
- Dân số xã, thôn 135 trong độ tuổi đến trường từ 1-18 tuổi (kể cả các xã ngoài Chương trình 135 thuộc 62 huyện nghèo theo Nghị quyết 30a)	người													
- Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông có cha mẹ thường trú tại các xã biên giới, vùng cao, hải đảo và các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (kể cả các xã thuộc 62 huyện nghèo)	người													
- Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Nhà nước	người													
+ Trong đó: Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo thường trú tại các xã biên giới, vùng cao, hải đảo và các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (kể cả các xã thuộc 62 huyện nghèo)	người													
- Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa hoặc bị tàn tật, khuyết tật có khó khăn về kinh	người													

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
tế (không bao gồm trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo theo quy định của nhà nước hoặc thường trú tại các xã biên giới, vùng cao, hải đảo và các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (kể cả các xã thuộc 62 huyện nghèo))														
- Dân số sinh sống ở các loại đô thị:	người													
+ Loại đặc biệt	người													
+ Loại I	người													
+ Loại II	người													
+ Loại III	người													
+ Loại IV	người													
- Dân số nhập cư vãng lai	người													
3. Đơn vị hành chính cấp huyện	huyện													
Trong đó:														
- Số đô thị loại I (thuộc tỉnh)	đô thị													
- Số đô thị loại II	đô thị													
- Số đô thị loại III	đô thị													
- Số đô thị loại IV	đô thị													
- Số huyện đảo không có đơn vị hành chính xã	huyện													

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
- Số đơn vị hành chính mới được thành lập (chưa được bổ sung kinh phí)	đơn vị													
4. Đơn vị hành chính cấp xã	xã													
- Xã biên giới, hải đảo	xã													
- Xã biên giới giáp Lào, Campuchia	xã													
5. Số đơn vị hành chính mang tính đặc thù	đơn vị													
Trong đó: - cấp tỉnh	đơn vị													
- cấp huyện	đơn vị													
6. Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP)	%													
Trong đó:														
- Ngành công nghiệp xây dựng	%													
- Ngành nông lâm thủy sản	%													
- Ngành dịch vụ	%													
7. Cơ cấu kinh tế														
- Giá trị sản xuất ngành công nghiệp xây dựng	tỷ đồng													
- Giá trị sản xuất ngành nông lâm thủy sản	tỷ đồng													

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
- Giá trị ngành dịch vụ	tỷ đồng													
8. Kim ngạch xuất nhập khẩu	triệu USD													
Trong đó:														
- Kim ngạch xuất khẩu	triệu USD													
- Kim ngạch nhập khẩu	triệu USD													
9. Giải quyết việc làm	người													
10. Số lượt khách du lịch	người													
11. Số người (theo chuẩn nghèo quy định tại Quyết định số 170/2005/QĐ-TTg ngày 27/5/2005 của Thủ tướng Chính phủ)	người													
- Tỷ lệ nghèo	%													
12. Tốc độ tăng dân số	%													
13. Số doanh nghiệp trên địa bàn	doanh nghiệp													
Trong đó:														
- Doanh nghiệp trung ương														
+ Số doanh nghiệp	doanh nghiệp													

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
+ Tổng số vốn kinh doanh	triệu đồng													
+ Số nộp ngân sách	triệu đồng													
- Doanh nghiệp địa phương														
+ Số doanh nghiệp	doanh nghiệp													
+ Tổng số vốn kinh doanh	triệu đồng													
+ Số nộp ngân sách	triệu đồng													
- Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài														
+ Số dự án được cấp giấy phép	dự án													
Trong đó: số vốn đăng ký	USD													
+ Số doanh nghiệp đã hoạt động	doanh nghiệp													
Trong đó: số vốn đầu tư	USD													
+ Tổng số vốn đã đầu tư	triệu đồng													
+ Số nộp ngân sách	triệu đồng													

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
- Doanh nghiệp tư nhân														
+ Số doanh nghiệp đăng ký kinh doanh	doanh nghiệp													
+ Số doanh nghiệp thực tế quản lý thu thuế	doanh nghiệp													
+ Số nộp ngân sách	triệu đồng													
- Kinh tế tập cá thể														
+ Số hộ đăng ký sản xuất, kinh doanh	hộ													
+ Số hộ quản lý thu thuế môn bài	hộ													
+ Số hộ quản lý thu cố định	hộ													
+ Số nộp ngân sách	triệu đồng													
14. Giáo dục, đào tạo														
- Số giáo viên	người													
- Quỹ lương	triệu đồng													
- Số học sinh	người													
Trong đó: học sinh thuộc diện nội trú, gồm:	người													
+ Học sinh học trường dân tộc nội trú	người													

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
+ Học sinh không học trường nội trú mà học tại các trường bán, công lập khác	người													
- Số trường đại học công lập do địa phương quản lý	trường													
Trong đó: dự toán chi năm 2010 Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã giao cho trường đại học	triệu đồng													
15. Y tế:														
- Cơ sở khám chữa bệnh	cơ sở													
Trong đó:														
+ Số bệnh viện do địa phương quản lý hoạt động mang tính chất khu vực	bệnh viện													
Trong đó: dự toán năm 2010 Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao cho bệnh viện	triệu đồng													
- Số giường bệnh	giường													
Trong đó:														
+ Giường bệnh cấp tỉnh	giường													
+ Giường bệnh cấp huyện	giường													
+ Giường phòng khám khu vực	giường													

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
+ Giường y tế xã phường	giường													
16. Chỉ tiêu đảm bảo xã hội														
- Trại xã hội	cơ sở													
- Số trại viên trại xã hội	người													
- Đối tượng cứu trợ xã hội không tập trung	người													
- Số gia đình bệnh binh	gia đình													
- Số gia đình thương binh	gia đình													
- Số gia đình liệt sỹ	gia đình													
- Số gia đình có công với nước	gia đình													
- Số gia đình có Bà mẹ Việt Nam anh hùng	gia đình													
- Số gia đình có anh hùng lực lượng vũ trang	gia đình													
- Số gia đình có người hoạt động kháng chiến	gia đình													
- Số gia đình có người có công giúp đỡ cách mạng	gia đình													

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
- Người bị nhiễm chất độc màu da cam	người													
+ Người mắc bệnh hiểm nghèo không còn khả năng lao động	người													
+ Người mắc bệnh bị suy giảm khả năng lao động	người													
+ Con đẻ còn sống bị dị dạng, dị tật nặng, không có khả năng lao động không tự lực được trong sinh hoạt	người													
+ Con đẻ còn sống bị dị dạng, dị tật nặng, không có khả năng lao động nhưng còn tự lực được trong sinh hoạt	người													
- Số hộ gia đình dân tộc thiểu số	hộ													
Trong đó:														
+ Số hộ gia đình được hỗ trợ đất sản xuất	hộ													
+ Số hộ gia đình được hỗ trợ đất ở, nhà ở	hộ													
+ Số hộ gia đình được hỗ trợ nước sinh hoạt	hộ													
- Số hộ gia đình chính sách	hộ													

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
Trong đó: số hộ gia đình cần phải hỗ trợ về nhà ở	hộ													
- Số cán bộ xã nghỉ việc theo Quyết định 130/CP và Quyết định 111/HĐBT	cán bộ													
17. Văn hóa thông tin														
- Số đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp	đoàn													
- Số đoàn nghệ thuật truyền thống	đoàn													
- Số đội thông tin lưu động	đội													
- Di sản văn hóa thế giới	di sản													
- Di sản văn hóa cấp quốc gia	di sản													
18. Phát thanh, truyền hình														
Số huyện ở miền núi - vùng đồng bào dân tộc ở đồng bằng, vùng sâu có trạm phát lại phát thanh truyền hình	huyện													
19. Thể dục thể thao														
- Số vận động viên đạt thành tích cao cấp quốc gia	người													

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
- Số vận động viên khuyết tật	người													
20. Thực hiện chương trình Kiên cố hóa KM, GTNT, CSHT nuôi trồng thủy sản, CSHT làng nghề ở nông thôn														
- Số vốn đã vay từ Ngân hàng Phát triển	triệu đồng													
- Số vốn ngân sách địa phương	triệu đồng													
- Vốn huy động trong dân cư	triệu đồng													
- Số km đường GTNT	km													
- Số km kiên cố hóa kênh mương	km													
- Số CSHT nuôi trồng thủy sản	công trình													
- Số CSHT làng nghề nông thôn	công trình													
21. Thực hiện chương trình kiên cố hóa trường, lớp học														
- Số phòng học được kiên cố hóa	phòng													
- Số kinh phí thực hiện	triệu đồng													

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
22. Thực hiện đầu tư cơ sở y tế từ nguồn trái phiếu Chính phủ														
- Số bệnh viện	bệnh viện													
- Số kinh phí thực hiện	triệu đồng													
- Số trạm y tế	trạm													
- Số kinh phí thực hiện	triệu đồng													
23. Thực hiện pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi														
- Số thu thủy lợi phí của các Công ty thủy nông	triệu đồng													
- Số thu thủy lợi phí của Hợp Tác xã	triệu đồng													
24. Chương trình giảm nghèo theo Nghị quyết 30a														
- Số huyện nghèo	huyện													
- Diện tích (các huyện nghèo)	ha													
- Dân số (các huyện nghèo)	người													
- Số xã (các huyện nghèo)	xã													
Trong đó: số xã thuộc chương trình 135 giai đoạn II	xã													

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
- Tổng số thôn, bản (các huyện nghèo)	thôn, bản													
Trong đó:														
+ Số thôn, bản ở xã khu vực II thuộc Chương trình 135 giai đoạn II	thôn, bản													
+ Số thôn, bản biên giới	thôn, bản													

……, ngày…… tháng….. năm 2010

TM. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố……

Chủ tịch

Bộ, cơ quan Trung ương ..... **Biểu số: 2**

THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THU, CHI NGÂN SÁCH GIAI ĐOẠN 2006 - 2010; DỰ TOÁN 2011 VÀ KẾ HOẠCH GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Giai đoạn 2001 - 2005	Giai đoạn 2006 - 2010						Giai đoạn 2011 - 2015						So sánh (%)			
			QT 2006	QT 2007	QT 2008	TH 2009	ƯTH 2010	Tổng số	Dự toán 2011	DK 2012	DK 2013	DK 2014	DK 2015	Tổng số	2010/2009	2011/2010	GĐ 2006-2010/ GĐ 2001-2005	GĐ 2011-2015/ GĐ 2006-2010
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**																	
1	Số thu phí, lệ phí																	
	- Học phí																	
	- Viện phí																	
	- Phí, lệ phí khác																	
2	Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại																	
	- Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề																	
	- Chi sự nghiệp y tế																	
	- Phí, lệ phí khác																	
3	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước																	
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**																	
I	**Chi đầu tư phát triển**																	

STT	Chỉ tiêu	Giai đoạn 2001 - 2005	Giai đoạn 2006 - 2010						Giai đoạn 2011 - 2015						So sánh (%)			
			QT 2006	QT 2007	QT 2008	TH 2009	ƯTH 2010	Tổng số	Dự toán 2011	DK 2012	DK 2013	DK 2014	DK 2015	Tổng số	2010/2009	2011/2010	GĐ 2006-2010/ GĐ 2001-2005	GĐ 2011-2015/ GĐ 2006-2010
	Trong đó:																	
	- Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề																	
	- Chi khoa học, công nghệ																	
1	Chi đầu tư XDCB																	
2	Chi đầu tư và hỗ trợ các doanh nghiệp theo chế độ quy định																	
3	Chi dự trữ nhà nước																	
4	Chi đầu tư phát triển khác																	
II	**Chi thường xuyên**																	
1	Chi quốc phòng, an ninh, đặc biệt																	
2	Chi SN giáo dục - đào tạo và dạy nghề																	
3	Chi sự nghiệp y tế																	
4	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ																	
5	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin																	

STT	Chỉ tiêu	Giai đoạn 2001 - 2005	Giai đoạn 2006 - 2010						Giai đoạn 2011 - 2015						So sánh (%)			
			QT 2006	QT 2007	QT 2008	TH 2009	ƯTH 2010	Tổng số	Dự toán 2011	DK 2012	DK 2013	DK 2014	DK 2015	Tổng số	2010/2009	2011/2010	GĐ 2006-2010/ GĐ 2001-2005	GĐ 2011-2015/ GĐ 2006-2010
6	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình																	
7	Chi sự nghiệp thể dục thể thao																	
8	Chi sự nghiệp kinh tế																	
9	Chi hoạt động sự nghiệp bảo vệ môi trường																	
10	Chi quản lý hành chính																	
11	Chi trợ giá các mặt hàng chính sách																	
12	Chi khác																	
III	**Chi chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án lớn khác**																	

..., ngày... tháng... năm 2010

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Tỉnh, thành phố: ……... **Biểu số: 3**

THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THU, CHI NGÂN SÁCH GIAI ĐOẠN 2006-2010; DỰ TOÁN 2011 VÀ KẾ HOẠCH GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện giai đoạn 2001 - 2005	Giai đoạn 2006 - 2010						Giai đoạn 2011 - 2015						So sánh			
			Thực hiện giai đoạn 2006 - 2010	Trong đó					Kế hoạch giai đoạn 2011 - 2015	Trong đó					2010/2009	2011/2010	GĐ 2006-2010/ GĐ 2001-2005	GĐ 2011-2015/ GĐ 2006-2010
				TH 2006	TH 2007	TH 2008	TH 2009	ƯTH 2010 (3)		DT 2011	KH 2012	KH 2013	KH 2014	KH 2015				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
I	**Thu NSNN trên địa bàn**																	
1	Thu nội địa																	
	Trong đó:																	
1.1	Thu từ doanh nghiệp nhà nước																	
1.2	Thu từ doanh nghiệp có vốn ĐTNN																	
1.3	Thu từ khu vực kinh tế NQD																	
1.4	Thu tiền sử dụng đất																	
2	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu																	
	Trong đó:																	
2.1	Thuế XK, thuế NK và TTĐB hàng NK																	
2.2	Thuế GTGT hàng nhập khẩu																	

A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
3	Thu huy động theo khoản 3 điều 8 luật NSNN																	
II	**Chi ngân sách địa phương quản lý (1)**																	
	Trong đó:																	
1	Chi đầu tư phát triển																	
	Trong đó:																	
1.1	Lĩnh vực giáo dục đào tạo và dạy nghề																	
1.2	Lĩnh vực khoa học công nghệ																	
2	Chi thường xuyên																	
	Trong đó:																	
2.1	Lĩnh vực giáo dục đào tạo và dạy nghề																	
2.2	Lĩnh vực khoa học công nghệ																	
2.3	Lĩnh vực hoạt động môi trường																	
3	Chi trả nợ nguồn huy động theo khoản 3 điều 8 luật NSNN																	
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính																	
III	**Số bổ sung từ ngân sách trung ương**																	
1	Số bổ sung cân đối																	
2	Số bổ sung có mục tiêu (2)																	

A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	- Chương trình mục tiêu quốc gia																	
	- Chương trình 135																	
	- Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng																	
	- Chương trình, dự án quan trọng khác																	

Ghi chú:

(1) Được xác định trên cơ sở nguồn chi cân đối ngân sách địa phương và số bổ sung mục tiêu (nếu có)

(2) Số bổ sung để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình 135, dự án trồng mới 5 triệu ha rừng, các chương trình, dự án quan trọng và các chế độ, chính sách mới.

(3) Đánh giá kết quả thực hiện gia hạn thuế năm 2010 theo Biểu số 4

....., ngày..... tháng..... năm 2010

TM. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố…

Chủ tịch

Tỉnh, thành phố:……. **Biểu số: 4**

TỔNG HỢP SỐ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ĐƯỢC GIA HẠN THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 16/2009/QĐ-TTG NGÀY 21/01/2009 VÀ QUYẾT ĐỊNH SỐ 12/2010/QĐ-TTG NGÀY 12/02/2010 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Gia hạn nộp thuế theo Quyết định 16/2009/QĐ-TTg			Gia hạn nộp thuế theo Quyết định 12/2010/QĐ-TTg		
		Tổng số thuế được gia hạn	Số thuế được gia hạn đã nộp trong 6 tháng đầu năm 2010	Số thuế được gia hạn còn phải nộp trong 6 tháng cuối năm 2010	Số thuế TNDN được gia hạn 6 tháng đầu năm 2010	Ước thuế TNDN được gia hạn cả năm 2010	Trong đó: số thuế gia hạn nộp sang năm 2011
A	B	1	2	3	4	5	6
	Tổng số						
1	Khu vực DNNN Trung ương:						
2	Khu vực DNNN địa phương:						
3	Khu vực DN có vốn ĐTNN:						
4	Thuế CTN DV NQD:						

……, ngày…… tháng….. năm 2010

TM. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố……

Chủ tịch

Bộ, cơ quan Trung ương..... **Biểu số: 5**

ĐÁNH GIÁ HUY ĐỘNG VÀ SỬ DỤNG NGUỒN LỰC ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGÀNH, LĨNH VỰC GIAI ĐOẠN 2006 - 2010; DỰ TOÁN 2011 VÀ KẾ HOẠCH GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Giai đoạn 2001 - 2005	Giai đoạn 2006 - 2010						Giai đoạn 2011 - 2015						So sánh (%)			
			QT 2006	QT 2007	QT 2008	TH 2009	ƯTH 2010	Tổng số	Dự toán 2011	DK 2012	DK 2013	DK 2014	DK 2015	Tổng số	2010/2009	2011/2010	GĐ 2006-2010/ GĐ 2001-2005	GĐ 2011-2015/ GĐ 2006-2010
	Tổng số																	
I	**Chi NSNN**																	
1	Chi đầu tư XDCB																	
a	NSTW																	
b	NSĐP																	
2	Chi thường xuyên																	
a	NSTW																	
b	NSĐP																	
3	Chi chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình 135 và các chương trình, dự án lớn khác																	
II	**Chi từ nguồn trái phiếu Chính phủ**																	
	Trong đó: Cho ngành giao thông																	

STT	Chỉ tiêu	Giai đoạn 2001 - 2005	Giai đoạn 2006 - 2010						Giai đoạn 2011 - 2015						So sánh (%)			
			QT 2006	QT 2007	QT 2008	TH 2009	ƯTH 2010	Tổng số	Dự toán 2011	DK 2012	DK 2013	DK 2014	DK 2015	Tổng số	2010/2009	2011/2010	GĐ 2006-2010/ GĐ 2001-2005	GĐ 2011-2015/ GĐ 2006-2010
	Cho lĩnh vực thủy lợi																	
	Cho ngành giáo dục																	
	Cho ngành y tế																	
III	**Chi từ nguồn thu phí, lệ phí, đóng góp,...**																	
IV	**Chi đầu tư của các cơ sở ngoài công lập**																	
V	**Chi đầu tư khác**																	

.....,ngày..... tháng..... năm 2010

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Tỉnh, thành phố: ……. **Biểu số: 6**

TỔNG HỢP NHU CẦU VỐN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2011 ĐỂ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN, NHIỆM VỤ QUAN TRỌNG ĐÃ ĐƯỢC CẤP CÓ THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên công trình, dự án	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Số vốn được duyệt	Giá trị khối lượng đã thực hiện từ khởi công đến 30/6/2010	Số vốn đã bố trí đến 31/12/2010		Dự kiến bố trí 2011				Ghi chú (tên văn bản, diễn giải…)
						Tổng số	Trong đó ngân sách trung ương hỗ trợ	Tổng số	Bố trí từ nguồn ngân sách địa phương	Nguồn tài chính khác theo quy định của pháp luật	Đề nghị ngân sách trung ương hỗ trợ	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Dự án a											
2	Dự án b											
3	Công trình a											
4	Công trình b											
5	……											

....., ngày..... tháng..... năm 2010

TM. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố….

Chủ tịch

Tỉnh, thành phố:……... **Biểu số: 7**

TÌNH HÌNH HUY ĐỘNG VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THEO QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 3 ĐIỀU 8 LUẬT NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC DƯ NỢ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2006 - 2010; DỰ TOÁN 2011 VÀ KẾ HOẠCH GIAI ĐOẠN 2011 - 2015 (1)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Thực hiện giai đoạn 2001 - 2005	Giai đoạn 2006 - 2010						Giai đoạn 2011 - 2015						So sánh			
			Thực hiện giai đoạn 2006 - 2010	Trong đó					Kế hoạch giai đoạn 2011 - 2015	Trong đó					2010/2009	2011/2010	GĐ 2006-2010/ GĐ 2001-2005	GĐ 2011-2015/ GĐ 2006-2010
				TH 2006	TH 2007	TH 2008	TH 2009	ƯTH 2010		DT 2011	KH 2012	KH 2013	KH 2014	KH 2015				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1	Tổng dư nợ huy động cho đầu tư XDCB đầu kỳ (theo Khoản 3 Điều 8 Luật NSNN) Gồm: - Vay Ngân hàng phát triển - Vay tạm ứng KBNN - Vay Ngân hàng thương mại - Phát hành trái phiếu (trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu đô thị) - Nguồn khác																	

A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
2	Nhiệm vụ trả nợ huy động trong kỳ - Trả gốc - Trả lãi - Các loại phí theo chế độ quy định																	
3	Mức kinh phí bố trí dự toán ngân sách để thanh toán số nợ đến hạn trả trong kỳ																	
4	Số huy động bổ sung cho đầu tư XDCB trong kỳ (theo Khoản 3 Điều 8 Luật NSNN - nếu có)																	
5	Dư nợ huy động cho đầu tư cuối kỳ (theo Khoản 3 Điều 8 Luật NSNN)																	

Ghi chú: (1) Ngân sách địa phương phải chủ động bố trí ngân sách để trả đủ nợ đến hạn trong năm ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

……, ngày..... tháng.....năm 2010

TM. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố….

Chủ tịch

Tỉnh, thành phố: …….. **Biểu số: 8**

TỔNG HỢP VỐN HUY ĐỘNG ĐẦU TƯ XÃ HỘI THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2006 - 2010; DỰ TOÁN 2011 VÀ KẾ HOẠCH GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện giai đoạn 2001 - 2005	Giai đoạn 2006 - 2010						Giai đoạn 2011 - 2015						So sánh			
		Thực hiện giai đoạn 2006 - 2010	Trong đó					Kế hoạch giai đoạn 2011 - 2015	Trong đó					2010/2009	2011/2010	GĐ 2006-2010/ GĐ 2001-2005	GĐ 2011-2015/ GĐ 2006-2010
			TH 2006	TH 2007	TH 2008	TH 2009	ƯTH 2010		DT 2011	KH 2012	KH 2013	KH 2014	KH 2015				
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
Tổng vốn đầu tư xã hội																	
Gồm:																	
- Nguồn ngân sách nhà nước																	
- Nguồn vốn tín dụng																	
- Nguồn doanh nghiệp nhà nước																	
- Nguồn đầu tư nước ngoài																	
- Nguồn doanh nghiệp ngoài nhà nước																	
- Nguồn vốn khác																	

....., ngày..... tháng .... năm 2010

TM. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố…

Chủ tịch

Tỉnh, thành phố: ……..

Biểu số: 9

TỔNG HỢP VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU XỔ SỐ KIẾN THIẾT NĂM 2010 VÀ NĂM 2011

Chỉ tiêu	Đơn vị	Dự toán năm 2010	Ước thực hiện năm 2010	Dự kiến năm 2011	So sánh 2011/2010
A	B	1	2	3	4
1. Tổng số thu	Triệu đồng				
2. Tổng số chi	Triệu đồng				
Trong đó:					
- Chi cho giáo dục	Triệu đồng				
+ Tỷ trọng chi cho giáo dục trong tổng số chi	%				
- Chi cho Y tế	Triệu đồng				
+ Tỷ trọng chi cho y tế trong tổng số chi	%				

....., ngày..... tháng..... năm 2010

TM. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố……

Chủ tịch

Tỉnh, thành phố:……. **Biểu số: 10**

BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN BỔ, THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA, CHƯƠNG TRÌNH 135, DỰ ÁN TRỒNG MỚI 5 TRIỆU HA RỪNG NĂM 2010 VÀ DỰ TOÁN NĂM 2011

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2010			Ước thực hiện năm 2010			Dự kiến năm 2011		
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
			Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp		Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp		Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=8+9	8	9
	Tổng cộng									
I	**Chương trình mục tiêu quốc gia**									
1	Chương trình MTQG giảm nghèo									
	- Mục tiêu (dự án)									
	- Mục tiêu (dự án)									
2	Chương trình MTQG về việc làm									
3	Chương trình MTQG dân số kế hoạch hóa gia đình									
	- Mục tiêu (dự án)									
	- Mục tiêu (dự án)									
	.....									
4	Chương trình MTQG phòng, chống một số bệnh xã hội, bệnh dịch nguy hiểm và HIV/AIDS									
	- Mục tiêu (dự án).....									
	- Mục tiêu (dự án).....									
	.....									
5	Chương trình MTQG nước sạch VSMT nông thôn									

A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=8+9	8	9
6	Chương trình MTQG về văn hóa									
	- Mục tiêu (dự án)									
	- Mục tiêu (dự án)									
	.....									
7	Chương trình MTQG giáo dục - đào tạo									
	- Mục tiêu (dự án)									
	- Mục tiêu (dự án)									
	.....									
8	Chương trình MTQG phòng, chống tội phạm									
9	Chương trình MTQG phòng, chống ma túy									
10	Chương trình MTQG vệ sinh an toàn thực phẩm									
...	...									
II	**Chương trình 135 giai đoạn II**									
1	Dự án									
2	Dự án									
	.....									
III	**Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng**									

...., ngày..... tháng.... năm 2010

TM. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.....

Chủ tịch

Tỉnh, thành phố:..... **Biểu số: 11**

BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN BỔ, GIAO DỰ TOÁN VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW ĐỂ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN, NHIỆM VỤ QUAN TRỌNG NĂM 2010 VÀ DỰ TOÁN NĂM 2011

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư	Thời gian khởi công, hoàn thành	Năng lực thiết kế	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị k.lượng t.hiện từ khởi công đến 30/6/2010	Số k.phí đã thanh toán từ khởi công đến 30/6/2010	Ước thực hiện thanh toán năm 2010			Dự kiến phân bổ, giao dự toán năm 2011				
									Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			
										T.toán KL các năm trước chuyển sang	T.toán KL đến 31/12/2010		T.toán KL các năm trước chuyển sang	Dự toán năm 2011	Chia theo nguồn vốn	
															Nguồn NSTW hỗ trợ	Nguồn NSĐP bố trí thêm
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11= 12+13	12	13= 14+15	14	15
	Tổng số															
1	Chương trình a															
2	Chương trình b															
3	Dự án a															
4	Dự án b															
5	…..															

....., ngày..... tháng..... năm 2010

TM. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố....

Chủ tịch